

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA RÌ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung, trả nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tháo và bà Nông Thị Giáp

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Nông Thiêm Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T - sinh năm: 1987 (có mặt)

Trú tại: Thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

2. Bị đơn: Anh Dương Trung H - sinh năm: 1985 (có mặt)

Trú tại: Thôn K, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lý Văn T - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giá Mã T - Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Na Rì (theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án và quyết định số 02/QĐ-NHCS ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn), (vắng mặt).

- Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn; địa chỉ: Tổ 8A, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị T - Phó trưởng phòng giao dịch huyện Na Rì Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn (theo quyết định v/v ủy quyền số 66/QĐ-HĐQL ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn), (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2019, bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Dương Trung H kết hôn vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T sống chung với bố mẹ chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H thường ghen tuông vô cớ, đánh đập chị T. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung Dương Kim T, sinh ngày 26/5/2006 và Dương Thị Thu H, sinh ngày 16/5/2008. Hiện nay cả 02 con đều đang sống cùng với anh H. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tổng số tiền 42.000.000,đ (bốn mươi hai triệu đồng) và vay của Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn - phòng giao dịch huyện Na Rì số tiền 19.200.000,đ (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng). Ly hôn, chị T yêu cầu anh H trả toàn bộ số nợ đối với Ngân hàng chính sách còn chị T chịu trách nhiệm trả số nợ đối với phòng giao dịch huyện Na Rì Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Dương Trung H nhất trí với lời trình bày của chị T về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, việc kết hôn của vợ chồng là tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do đầu năm 2018 chị T nói chuyện về việc chị đi làm công ty nhưng anh H không đồng ý dẫn đến vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng có xảy ra cãi cọ, xích mích với nhau. Anh H thừa nhận anh hay ghen tuông và được đánh chị T 01 lần vào năm 2018 vì đọc được tin nhắn yêu đương của người khác gửi cho chị T. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh H không nhất trí ly hôn vì 02 con còn nhỏ, anh vẫn còn tình cảm với chị T.

Về các vấn đề con chung, tài sản chung và vay nợ chung anh H nhất trí với trình bày của chị T. Quan điểm của anh H về các vấn đề này như sau:

Về con chung: Nếu phải ly hôn, anh H nhất trí theo nguyện vọng của các con là được sống với chị T và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H nhất trí với ý kiến của chị T.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2019, đại diện phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn trình bày: Gia đình anh Dương Trung H,

chị Đặng Thị T được Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn K, Ủy ban nhân dân xã C, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Na Rì xét cho vay Chương trình cho vay hộ cận nghèo với 02 món vay. Cụ thể: Mã món vay 6600000707773020, số tiền 12.000.000,đ; mã món vay 6600000710559883, số tiền 30.000.000,đ. Tổng số nợ là 42.000.000,đ. Anh H là người đứng tên đại diện hộ vay vốn, chị T là người thừa kế. Ly hôn, số tiền vay trên anh H, chị T cùng có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi phát sinh. Tuy nhiên, anh H là người đứng tên vay, đã ký nhận tiền vay với Ngân hàng thì anh H có trách nhiệm trực tiếp trả nợ cho Ngân hàng. Tại phiên hòa giải ngày 31/5/2019 và tại phiên tòa, anh H tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh của tổng số nợ 42.000.000,đ đại diện Ngân hàng chấp thuận.

Tại bản tự khai ngày 11/4/2019, đại diện phòng giao dịch huyện Na Rì Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn trình bày: Gia đình anh Dương Trung H, chị Đặng Thị T được tổ tiết kiệm và vay vốn thôn K, Hội phụ nữ xã C, UBND xã C, phòng giao dịch huyện Na Rì Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn xét cho vay theo chương trình dự án tài chính vi mô theo hợp đồng vay vốn số HDTD03-0153-03 ngày 09/3/2019 số tiền 19.200.000,đ (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng), người đứng tên đại diện hộ vay vốn Đặng Thị T, người đồng vay vốn Dương Trung H. Ly hôn, chị T, anh H cùng có trách nhiệm trả số nợ gốc và lãi phát sinh. Tuy nhiên, chị T đã ký nhận tiền vay với Phòng giao dịch nên chị T có trách nhiệm trực tiếp trả nợ. Tại phiên hòa giải ngày 31/5/2019 và tại phiên tòa, chị T tự nguyện chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh của khoản vay 19.200.000,đ, đại diện phòng giao dịch huyện Na Rì Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn chấp thuận.

Ngày 31/5/2019, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp và phiên hòa giải, nguyên đơn và bị đơn không thống nhất với nhau về việc ly hôn do chị T vẫn yêu cầu ly hôn, anh H không nhất trí ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Các đương sự thống nhất với nhau về việc nuôi con chung, trả nợ chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có gửi cho Tòa án Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Dương Trung H như sau: Từ khi đăng ký kết hôn đến nay vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018 mới nảy sinh mâu thuẫn vì lý do anh H không đồng ý cho chị T đi làm công ty. Nay con còn nhỏ, mâu thuẫn vợ chồng không lớn, vẫn có thể hàn gắn được mong chị T suy nghĩ lại quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Đề nghị HĐXX căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đầy đủ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Vợ chồng chị T, anh H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Như vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35 của BLTTDS, Điều 56, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình cho chị T được ly hôn anh H; ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung như sau: Chị Đặng Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, chị T không đặt vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với anh H; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; ghi nhận thỏa thuận của các đương sự việc chị Đặng Thị T chịu trách nhiệm trả cho phòng giao dịch huyện Na Rì Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn toàn bộ số nợ gốc 19.200.000,đ và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký, anh Dương Trung H chịu trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Na Rì chi nhánh tỉnh Bắc Kạn toàn bộ số nợ gốc 42.000.000,đ và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, nghĩa vụ trả nợ chung. Tranh chấp giữa các bên đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Tòa án nhân dân huyện Na Rì xét xử vắng mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H và đại diện người có quyền lợi liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam vì họ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Dương Trung H kết hôn vào năm 2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T sống chung với bố mẹ chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2010 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Hiếu thường ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi cọ, trong lúc cãi cọ anh H có tát chị T. Đến tháng 6 năm 2018, vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi cọ, chị T đã nhờ Tổ hòa giải thôn K can thiệp vì anh H đánh chị T. Sau đó, giữa chị T và anh H vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình và thôn nơi anh H, chị T sinh sống. Theo các biên bản xác minh lập ngày 07/5/2019, ông Dương Văn M là bố của anh H cho biết *“từ năm 2018 đến nay vợ chồng anh H xảy ra trục trặc, xảy ra xô sát, anh H có lỡ tay tát vợ nên xảy ra mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 6 năm 2018 lại xảy ra cãi vã và chị T đã yêu cầu Thôn đến can thiệp”*. Tại biên bản xác minh đối với trưởng thôn K thể hiện *“Đầu năm 2018 đến nay tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H bắt đầu trục*

trắc, có xảy ra tình trạng mâu thuẫn một số lần nhưng thôn chỉ tiến hành can thiệp một lần vào khoảng tháng 6 năm 2018 vì có tin báo của chị T bị anh H đánh. Khi tổ hòa giải thôn đến thì việc dùng vũ lực của anh H với chị T đã không còn diễn ra, thôn đã tiến hành khuyên giải các bên. Nhưng sau đó, theo thông tin thôn nắm được thì giữa chị T và anh H vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau nhưng các lần này thì gia đình không yêu cầu nên thôn không can thiệp. Nhìn chung trong khoảng thời gian hơn 01 năm trở lại đây thì cuộc sống vợ chồng của chị T và anh H không được bình thường, không được hạnh phúc”. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Dương Kim T 26/5/2006 và Dương Thị Thu H, sinh ngày 16/5/2008. Hội đồng xét xử thấy chị Thời có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con, các con đều có nguyện vọng được sống cùng chị T, anh H nhất trí theo nguyện vọng của các con. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, các bên thỏa thuận việc chị T được trực tiếp nuôi 02 con và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T. Xét thấy thỏa thuận trên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị T, anh H đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vay nợ chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tổng số tiền 42.000.000,đ (bốn mươi hai triệu đồng) và vay của Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn - phòng giao dịch huyện Na Rì số tiền 19.200.000,đ (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng). Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, các bên đương sự thỏa thuận chị Đặng Thị T chịu trách nhiệm trả cho phòng giao dịch huyện Na Rì Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn toàn bộ số nợ gốc 19.200.000,đ và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký, anh Dương Trung H chịu trách nhiệm trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Na Rì chi nhánh tỉnh Bắc Kạn toàn bộ số nợ gốc 42.000.000,đ và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký. Xét thấy thỏa thuận trên không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị Thời phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 60, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung, nghĩa vụ trả nợ chung của chị Đặng Thị T đối với anh Dương Trung H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T được ly hôn anh Dương Trung H.

2. Về con chung: Ghi nhận thỏa thuận của các đương sự: Chị Đặng Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Dương Kim T, sinh ngày 26/5/2006 và Dương Thị Thu H, sinh ngày 16/5/2008 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị T không đặt vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với anh H. Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận thỏa thuận của các đương sự:

Chị Đặng Thị T chịu trách nhiệm trả cho Quỹ hỗ trợ phụ nữ phát triển tỉnh Bắc Kạn - Phòng Giao dịch huyện Na Rì toàn bộ số nợ gốc 19.200.000,đ (mười chín triệu hai trăm nghìn đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký.

Anh Dương Trung H chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký của 02 khoản vay sau:

- Khoản vay ngày 20/7/2016, mã món vay 6600000707773020, số tiền 12.000.000,đ (mười hai triệu đồng).

- Khoản vay ngày 20/6/2017, mã món vay 6600000710559883, số tiền 30.000.000,đ (ba mươi triệu đồng).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 06705 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh(01b);
- VKSND huyện(02b);
- Các đương sự (04b);
- Người BVQL của bị đơn (01b);
- UBND xã Cư Lễ (01b);
- THA dân sự(01b);
- Lưu TA(01b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Thanh Bình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tháo

Nông Thị Giáp

Võ Thanh Bình